

Số: 937/TCTCHKVN-VPTCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

V/v: Công bố thông tin BCTC đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP thực hiện công bố thông tin BCTC với Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP

- Mã chứng khoán: ACV

- Địa chỉ: Số 58 Trường Sơn, phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (84.28) 38485383 Fax: (84.28) 38445127

- Website: <https://www.vietnamairport.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

- Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2026 tại đường dẫn: <https://www.vietnamairport.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Các Ban: TCKT, PC-KTNB;
- VP. TCTy (đăng tải lên website);
- Lưu: VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Q. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Văn Khiên

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 07
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	08 - 09
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 59

63E
TỔM
CÓN
GH
VI
ANH

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Khiên	Quyền Chủ tịch	Bổ nhiệm Quyền Chủ tịch HĐQT từ ngày 17/03/2026 Người đại diện theo pháp luật từ ngày 17/03/2026
Ông Vũ Thế Phiệt	Chủ tịch	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 17/03/2026 Người đại diện theo pháp luật đến ngày 17/03/2026
Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Thành viên	
Ông Nguyễn Tiến Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/01/2026
Ông Lại Xuân Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT do nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/09/2024 Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 30/06/2025
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên	Đơn từ nhiệm ngày 24/02/2025 Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 30/06/2025
Ông Đào Việt Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 22/01/2026

Ban kiểm soát

Bà Huỳnh Thị Diệu	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên	
Bà Phan Cẩm Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/01/2026
Ông Lương Quốc Bình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/01/2026

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tiến Việt	Phó Tổng Giám đốc	Phụ trách Ban Điều hành đến ngày 01/02/2026
Ông Nguyễn Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Phụ trách Ban Điều hành từ ngày 02/02/2026
Ông Trần Anh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Nguyễn Văn Nhung	Kế toán trưởng	
----------------------	----------------	--

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Tổng Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 38 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, không có sự kiện nào khác sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

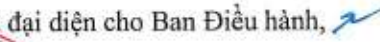
Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành, 



Lê Văn Khiên

Người đại diện theo pháp luật

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

25.
TY
G KH
I N A
T C P
HỒ H

Số: 705/2026/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (sau đây được gọi là "Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026, từ trang 08 đến trang 59 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có sai sót trọng yếu hay không.

Công việc Kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 1 - Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả một số vấn đề như sau:

Liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không ("KCHTHK") do Nhà nước đầu tư, quản lý

Theo Quyết định số 2007/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án giao, quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHTHK do Nhà nước đầu tư, quản lý ("Quyết định 2007") và Nghị định 287/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHTHK ("Nghị định 287"), Tổng Công ty được giao quản lý, sử dụng và khai thác các tài sản KCHTHK theo phương thức không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp từ ngày ban hành Quyết định 2007 đến hết năm 2026.

Bộ Giao thông Vận tải (nay đã được hợp nhất vào Bộ Xây dựng) đã phê duyệt Danh mục tài sản KCHTHK bàn giao cho Tổng Công ty quản lý, sử dụng, khai thác theo phương thức không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo Quyết định số 256/QĐ-BGTVT ngày 01/3/2022; tuy nhiên chưa ban hành quyết định phê duyệt giá trị tài sản bàn giao. Do đó, Tổng Công ty chưa có đủ cơ sở để theo dõi chi tiết, phản ánh giá trị các tài sản KCHTHK trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025. Tổng Công ty hiện đang phản ánh doanh thu, chi phí phát sinh từ hoạt động khai thác các tài sản này trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ nộp phần chênh lệch còn lại cho Nhà nước theo quy định.

Liên quan đến công tác bàn giao nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không ("ANHK")

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và các văn bản có liên quan, nhiệm vụ bảo đảm ANHK đã được chuyển giao cho Bộ Công an kể từ ngày 01/03/2025. Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc Bộ Công an đã thống nhất Tổng Công ty tiếp tục phản ánh doanh thu chi phí của hoạt động bảo đảm ANHK theo cơ chế hiện hành đến thời điểm 30/06/2026, đồng thời theo dõi và trình bày riêng kết quả kinh doanh của hoạt động này làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ liên quan.

Liên quan đến công tác chuyển giao tài sản và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc ("CHKQT Phú Quốc")

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-CP ngày 01/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đầu tư mở rộng CHKQT Phú Quốc phục vụ Hội nghị APEC 2027, Bộ Xây dựng và Tổng Công ty đã thực hiện chuyển giao tài sản tại CHKQT Phú Quốc (bao gồm tài sản KCHTHK do nhà nước đầu tư và tài sản do Tổng Công ty đầu tư) cho Ủy ban Nhân dân ("UBND") tỉnh An Giang để UBND tỉnh An Giang bàn giao cho nhà đầu tư được lựa chọn.

Theo các thỏa thuận đã ký kết giữa Tổng Công ty và các bên liên quan, cũng như căn cứ các quyết định của cấp có thẩm quyền, thời điểm chuyển giao chính thức được xác định từ ngày 01/01/2026. Trên cơ sở đó, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng Công ty phản ánh đầy đủ giá trị các tài sản và kết quả hoạt động kinh doanh của CHKQT Phú Quốc. Từ ngày 01/01/2026, Tổng Công ty chấm dứt hoạt động kinh doanh tại CHKQT Phú Quốc theo Quyết định của Bộ Xây dựng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 38 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, ngày 05/03/2026, Tổng Công ty đã thực hiện Công bố thông tin bất thường tại Văn bản số 604/TCCTCHKVN-VPTCT trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Ban Điều hành Tổng Công ty đánh giá rằng sự kiện này không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình hoạt động kinh doanh cũng như số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Hà Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Trịnh Thị Trang

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.969.519.033.122	40.695.103.265.507
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.240.105.377.144	6.306.598.160.799
Tiền	111		3.898.105.377.144	4.475.598.160.799
Các khoản tương đương tiền	112		342.000.000.000	1.831.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	15	10.505.425.769.220	20.248.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.505.425.769.220	20.248.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.397.664.492.898	12.309.269.849.298
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.243.790.436.153	10.486.058.757.701
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.224.243.585.307	4.834.859.212.732
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	621.228.637.427	651.418.449.049
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.691.598.165.989)	(3.663.066.570.184)
IV. Hàng tồn kho	140	10	352.111.578.125	294.169.304.412
Hàng tồn kho	141		352.111.578.125	294.169.304.412
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.474.211.815.735	1.536.565.950.998
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	55.662.346.815	19.121.827.887
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.399.380.939.692	1.512.544.175.408
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	19.168.529.228	4.899.947.703
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.940.271.927.929	36.586.849.600.056
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		265.521.804.717	265.501.804.717
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	2.800.000.200	2.800.000.200
Phải thu dài hạn khác	216	8	265.521.804.717	265.501.804.717
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(2.800.000.200)	(2.800.000.200)
II. Tài sản cố định	220		25.453.465.727.193	12.039.001.224.337
Tài sản cố định hữu hình	221	12	25.441.693.099.648	12.026.894.831.929
- Nguyên giá	222		65.963.574.362.526	49.743.921.424.137
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.521.881.262.878)	(37.717.026.592.208)
Tài sản cố định vô hình	227	13	11.772.627.545	12.106.392.408
- Nguyên giá	228		43.116.339.446	37.637.079.176
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.343.711.901)	(25.530.686.768)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		35.200.034.360.712	20.892.927.634.807
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	35.200.034.360.712	20.892.927.634.807
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	3.186.902.770.970	3.007.606.291.732
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.009.801.691.190	2.832.267.242.928
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		237.101.079.780	235.339.048.804
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		834.347.264.337	381.812.644.463
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	186.398.982.420	74.300.607.023
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	647.948.281.917	307.512.037.440
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		91.909.790.961.051	77.281.952.865.563

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.007.296.617.156	17.241.265.944.151
I. Nợ ngắn hạn	310		12.335.559.205.644	7.634.011.569.929
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	2.993.558.465.488	1.684.755.826.546
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.281.603.132	6.086.854.082
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	4.198.071.832.701	3.391.978.416.740
Phải trả người lao động	314		1.302.377.953.192	1.259.280.474.212
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.389.546.160.483	267.958.850.359
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.506.866.527	4.576.912.610
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	401.033.964.280	186.090.282.798
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	411.574.858.760	395.932.592.937
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		624.607.501.081	437.351.359.645
II. Nợ dài hạn	330		9.671.737.411.512	9.607.254.374.222
Phải trả dài hạn khác	337	21	371.294.180.604	260.595.388.007
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	9.300.040.314.193	9.346.256.069.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	16	402.916.715	402.916.715
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		69.902.494.343.895	60.040.686.921.412
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	69.902.494.343.895	60.040.686.921.412
Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.828.475.230.000	21.771.732.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.828.475.230.000	21.771.732.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.602.790.587	14.602.790.587
Cổ phiếu quỹ	415		(6.857.850.000)	(2.918.680.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		16.242.865.778.658	6.034.593.641.645
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.767.041.160.439	32.166.286.228.983
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.952.117.889.595	21.745.377.993.942
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.814.923.270.844	10.420.908.235.041
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		56.367.234.211	56.390.580.197
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		91.909.790.961.051	77.281.952.865.563



Vũ Thị Vân Anh
Người lập biểu



Nguyễn Văn Nhung
Kế toán trưởng



Lê Văn Khiên
Người Đại diện theo pháp luật
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	25.973.085.016.299	22.700.675.019.103
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		75.434.964.476	104.074.076.959
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		25.897.650.051.823	22.596.600.942.144
4. Giá vốn hàng bán	11	24	10.281.917.414.482	8.723.456.947.843
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.615.732.637.341	13.873.143.994.301
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	975.279.396.734	1.739.173.190.855
7. Chi phí tài chính	22	26	457.060.726.846	104.681.773.116
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		60.462.429.448	60.523.614.159
8. Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		430.233.155.970	336.332.655.287
9. Chi phí bán hàng	25	27	402.940.841.218	369.492.296.898
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	1.327.398.218.530	1.043.121.604.218
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.833.845.403.451	14.431.354.166.211
12. Thu nhập khác	31	30	587.579.205.828	45.404.222.845
13. Chi phí khác	32	31	12.086.793.964	11.975.845.548
14. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		575.492.411.864	33.428.377.297
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.409.337.815.315	14.464.782.543.508
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.284.566.364.837	2.663.012.289.091
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(340.436.244.477)	125.199.596.535
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.465.207.694.955	11.676.570.657.882
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	61		12.854.488.264	12.980.969.923
- Lợi nhuận của công ty mẹ, trong đó:	62		12.452.353.206.691	11.663.589.687.959
+ Lợi nhuận của Tổng Công ty			10.814.923.270.844	10.420.908.235.040
+ Lợi nhuận từ hoạt động khai thác tài sản KCHTHK		35	1.385.094.622.527	1.242.681.452.919
+ Lợi nhuận từ hoạt động bảo đảm ANHK		36	252.335.313.320	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.019	2.644



Vũ Thị Vân Anh
Người lập biểu



Nguyễn Văn Nhung
Kế toán trưởng



Lê Văn Khiên

Người Đại diện theo pháp luật

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.409.337.815.315	14.464.782.543.508
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.970.131.531.386	2.289.294.864.854
Các khoản dự phòng	03		28.531.595.805	(57.480.182.327)
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		306.014.909.489	(394.110.693.316)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(1.265.387.674.545)	(1.621.805.797.332)
Chi phí lãi vay	06		60.462.429.448	60.523.614.159
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.509.090.606.898	14.741.204.349.546
Tăng (giảm) các khoản phải thu	09		86.481.916.110	(2.643.930.560.514)
Tăng (giảm) hàng tồn kho	10		(54.845.845.064)	158.703.676.253
(Tăng) giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		2.775.297.752.165	334.044.093.621
Tăng (giảm) chi phí trả trước	12		(148.638.894.325)	24.100.267.685
Tiền lãi vay đã trả	14		(60.746.128.374)	(62.024.614.159)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.581.824.746.997)	(2.417.501.594.464)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(765.975.025.189)	(560.417.661.905)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.758.839.635.224	9.574.177.956.063
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(29.557.825.529.172)	(13.262.935.015.600)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.246.948.171	3.434.027.939
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.284.025.769.220)	(1.505.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.027.100.000.000	7.152.700.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.762.030.976)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.405.781.011.939	1.812.311.078.304
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.409.485.369.258)	(5.799.989.909.357)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3.939.170.000)	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(420.843.433.716)	(406.437.457.176)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.800.000.000)	(7.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(433.582.603.716)	(413.637.457.176)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(2.084.228.337.750)	3.360.550.589.530
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	6.306.598.160.799	2.843.713.782.836
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		17.735.554.095	102.333.788.433
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	4.240.105.377.144	6.306.598.160.799

Vũ Thị Vân Anh
Người lập biểu

Nguyễn Văn Nhung
Kế toán trưởng



Lê Văn Khiên
Người Đại diện theo pháp luật
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), là Công ty Cổ phần, được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), theo Quyết định số 1710/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311638525 ngày 22 tháng 03 năm 2012 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh mới nhất lần thứ 12 ngày 28 tháng 03 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 12/11/2018, Bộ Giao thông Vận tải (nay đã được hợp nhất vào Bộ Xây dựng) đã chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng Công ty về cho Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29/09/2018 và Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 09/11/2018. Ngày 03/03/2025, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng Công ty về cho Bộ Tài chính theo Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ và công văn số 166/VPCP-ĐMDN ngày 28/02/2025 của Văn phòng Chính phủ.

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.

Tên giao dịch Quốc tế: Airport Corporation of Vietnam ("ACV")

Trụ sở chính: 58 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM từ ngày 21/11/2016, với mã chứng khoán "ACV".

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 10.811 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 10.747 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty mẹ và công ty con ("Tổng Công ty") đã đăng ký các hoạt động kinh doanh chính trong các lĩnh vực sau:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Đầu tư, quản lý vốn đầu tư, trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay; đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay; cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không; cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch, các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng dịch vụ thương nghiệp, bán hàng miễn thuế; các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng), và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; các dịch vụ hàng không, dịch vụ công cộng khác tại cảng hàng không sân bay; cung cấp dịch vụ lưu trữ và dịch vụ tra nạp nhiên liệu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (tiếp)

- Dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa, kho hàng hóa; giao nhận hàng hóa; nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ;
- Xây dựng, tư vấn xây dựng, sửa chữa, bảo trì, lắp đặt các công trình xây dựng, các trang thiết bị, điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 04 năm 2016; ngày 03/02/2025, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp đã có Quyết định số 63/QĐ-UBQLV về phê duyệt quyết toán tài chính, tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa, kinh phí chi trả chế độ cho người lao động dôi dư, giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm Công ty mẹ - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần.

Liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý

Theo Quyết định số 2007/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án giao, quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý ("Quyết định 2007"), Tổng Công ty được giao quản lý, sử dụng và khai thác các tài sản kết cấu hạ tầng hàng không bao gồm:

- (a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không ("KCHTHK") do Nhà nước đầu tư, quản lý, không tính vào giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty; và
- (b) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hình thành sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được bàn giao lại cho Nhà nước quản lý do Bộ Giao thông Vận tải (nay đã được hợp nhất vào Bộ Xây dựng) làm đại diện chủ sở hữu.

Theo quy định tại Quyết định số 2007/QĐ-TTg và Nghị định 287/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHTHK ("Nghị định 287"), Tổng Công ty được giao quản lý, sử dụng các tài sản KCHTHK theo phương thức không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trong thời hạn từ ngày ban hành Quyết định 2007 đến hết năm 2026. Tổng Công ty trực tiếp tổ chức khai thác tài sản này đúng mục đích, công năng; phản ánh đầy đủ doanh thu, chi phí phát sinh từ hoạt động khai thác vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất; đồng thời làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ nộp phần chênh lệch còn lại cho Nhà nước theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp)

Bộ Giao thông Vận tải (nay đã được hợp nhất vào Bộ Xây dựng) đã phê duyệt Danh mục tài sản KCHTHK bàn giao cho Tổng Công ty quản lý, sử dụng, khai thác theo phương thức không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo Quyết định số 256/QĐ-BGTVT ngày 01/03/2022; tuy nhiên chưa ban hành quyết định phê duyệt giá trị tài sản bàn giao.

Do đó, Tổng Công ty chưa có đủ cơ sở để theo dõi chi tiết, phản ánh giá trị các tài sản KCHTHK trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025. Việc ghi nhận tăng giá trị tài sản KCHTHK sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan khi được cơ quan chức năng ban hành quyết định phê duyệt giá trị tài sản bàn giao cho Tổng Công ty.

Liên quan đến công tác bàn giao nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không ("ANHK")

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và các văn bản có liên quan, nhiệm vụ bảo đảm ANHK đã được chuyển giao cho Bộ Công an tiếp nhận kể từ ngày 01/03/2025. Theo đó, công tác điều hành hoạt động bảo đảm ANHK tại các cảng hàng không trực thuộc do các đơn vị của Bộ Công an thực hiện từ ngày 01/03/2025.

Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc Bộ Công an đã thống nhất Tổng Công ty tiếp tục phản ánh doanh thu, chi phí của hoạt động bảo đảm ANHK theo cơ chế hiện hành đến thời điểm 30/06/2026.

Đến ngày 31/12/2025, quá trình chuyển đổi chưa hoàn tất, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng để hoàn tất công tác bàn giao theo quy định.

Trên cơ sở đó, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng Công ty tiếp tục phản ánh doanh thu và chi phí của hoạt động bảo đảm ANHK theo cơ chế hiện hành, đồng thời theo dõi và trình bày riêng kết quả kinh doanh của hoạt động này để làm cơ sở thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

Liên quan đến công tác chuyển giao tài sản và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc ("CHKQT Phú Quốc")

Nghị quyết số 01/2025/NQ-CP ngày 01/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đầu tư mở rộng CHKQT Phú Quốc phục vụ Hội nghị APEC 2007 ("Nghị quyết 01"), trong đó:

- Giao Bộ Xây dựng thực hiện việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng CHKQT Phú Quốc do Nhà nước đầu tư, quản lý về Ủy ban nhân dân ("UBND") tỉnh An Giang;
- Giao Tổng Công ty rà soát, xác định danh mục, giá trị đầu tư (nguyên giá, giá trị còn lại) và tổ chức thẩm định giá đối với các tài sản đã được Tổng Công ty đầu tư tại CHKQT Phú Quốc làm cơ sở cho việc xử lý tài sản theo quy định của pháp luật.

Thực hiện Nghị quyết 01, ngày 15/6/2025, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 815/QĐ-BXD về việc thu hồi, chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng CHKQT Phú Quốc về UBND tỉnh An Giang. Ngày 18/11/2025, Tổng Công ty đã ký biên bản bàn giao nguyên trạng toàn bộ tài sản do Tổng Công ty đầu tư tại CHKQT Phú Quốc cho UBND tỉnh An Giang; cùng ngày, UBND tỉnh An Giang đã ký biên bản bàn giao nguyên trạng các tài sản này cho Công ty Cổ phần Cảng hàng không Mặt trời ("SAC"), là nhà đầu tư được UBND tỉnh lựa chọn.

Theo các thỏa thuận đã ký giữa Tổng Công ty và các bên có liên quan, thời điểm chuyển giao chính thức được xác định từ ngày 01/01/2026. Trong giai đoạn chuyển tiếp, Tổng Công ty tiếp tục hạch toán đầy đủ doanh thu và chi phí phát sinh từ hoạt động khai thác theo quy định của pháp luật, đồng thời không phát sinh nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản nào cho SAC liên quan đến hoạt động khai thác trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)

Liên quan đến công tác chuyển giao tài sản và hoạt động kinh doanh tại Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc ("CHKQT Phú Quốc") (tiếp)

Theo Quyết định số 2405/QĐ-BXD ngày 25/12/2025 của Bộ Xây dựng ("Quyết định 2405"), hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại CHKQT Phú Quốc chấm dứt kể từ ngày 01/01/2026, đồng thời Bộ Xây dựng cấp giấy phép kinh doanh CHKQT Phú Quốc cho Công ty Cổ phần Cảng hàng không Mặt trời (SAC) từ cùng ngày. Ngày 08/01/2026, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 22/QĐ-BXD về việc cấp lại giấy phép kinh doanh cảng hàng không cho Tổng Công ty, trong đó chấm dứt hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại CHKQT Phú Quốc theo Quyết định số 2405.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025, Tổng Công ty đang thực hiện thủ tục đóng mã số thuế đối với CHKQT Phú Quốc theo quy định pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở các thông tin và quyết định nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng Công ty phản ánh đầy đủ giá trị các tài sản và kết quả hoạt động kinh doanh của CHKQT Phú Quốc.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các chi nhánh, công ty con, công ty liên doanh liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Các chi nhánh:

<u>Tên chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
2. Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
3. Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	58 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
4. Cảng hàng không Quốc tế Long Thành - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, Xã Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

<u>Tên chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
5. Cảng hàng không Quốc tế Cát Bi - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Cát Bi, Đường Lê Hồng Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
6. Cảng hàng không Quốc tế Vinh - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Vinh, Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
7. Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài, Tổ 10, Phường Phú Bài, Thành phố Huế, Việt Nam.
8. Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
9. Cảng hàng không Quốc tế Liên Khương - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Quốc tế Liên Khương, Quốc lộ 20, Xã Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
10. Cảng hàng không Quốc tế Cần Thơ - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Số 179B Lê Hồng Phong, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
11. Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Tổ 2, Khu phố Dương Tơ, Đặc khu Phú Quốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam.
12. Cảng hàng không Thọ Xuân - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Sân bay Sao Vàng, Xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.
13. Cảng hàng không Đồng Hới - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Đồng Hới, Phường Đồng Thuận, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
14. Cảng hàng không Chu Lai - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Chu Lai, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
15. Cảng hàng không Phù Cát - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Số 01 Nguyễn Tất Thành, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
16. Cảng hàng không Pleiku - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Pleiku, Đường 17/3, Phường Thống Nhất, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
17. Cảng hàng không Tuy Hòa - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Khu phố 4, Phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

<u>Tên chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
18. Cảng hàng không Buôn Ma Thuột - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Thôn 3, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
19. Cảng hàng không Điện Biên - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Tổ dân phố 10, Phường Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam.
20. Cảng hàng không Nà Sản - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Thôn Nà Sản, Xã Chiềng Mung, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.
21. Cảng hàng không Côn Đảo - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Côn Đảo, Tiểu khu 1, Đặc khu Côn Đảo, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
22. Cảng hàng không Rạch Giá - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Số 418 Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang, Việt Nam.
23. Cảng hàng không Cà Mau - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Số 93, Đường Lý Thường Kiệt, Phường Tân Thành, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
24. Chi nhánh Hàng hóa Hàng không Long Thành - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, Xã Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
25. Chi nhánh Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Long Thành - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, Xã Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Công ty con:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	TP. Hà Nội	60	60	Cung cấp dịch vụ lưu trữ và tra nạp nhiên liệu hàng không

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

Công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng Máy bay Cảng hàng không Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	51,00	50,00	Bảo dưỡng và sửa chữa máy bay
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	49,07	49,07	Kinh doanh thương mại dịch vụ tại sân bay
3. Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	48,03	48,03	Dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất tại sân bay
4. Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	30,00	30,00	Vận tải ô tô, mua bán, sửa chữa bảo dưỡng ô tô
5. Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	29,53	29,53	Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai, nước khoáng đóng chai; kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô
6. Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	TP. Hà Nội	20,00	20,00	Dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất tại sân bay

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (công ty con).

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là thống nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tất cả các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ phát sinh giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”), Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 202”) và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200, Thông tư 202 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến giá trị ghi nhận các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động.

Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành tại thời điểm lập báo cáo, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, trong đó có quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Khoản mục vay được đánh giá lại theo tỷ giá tính chéo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giữa đồng Việt Nam so với đồng Yên Nhật hoặc tỷ giá hạch toán của Bộ Tài chính (theo từng hợp đồng vay). Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ mà Tổng Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền ngoại trừ giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được hình thành từ các công trình xây dựng do các nhà thầu xây dựng thực hiện được xác định bao gồm: giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định hoàn thành và đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá theo giá trị dự toán hoặc giá trị quyết toán tạm tính và trích khấu hao. Khi có quyết toán được duyệt sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng và điều chỉnh giá trị khấu hao (tăng hoặc giảm) tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định mà không thực hiện điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích.

Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu liên quan đến quá trình sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp và vận hành tài sản cố định hữu hình được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	03-10
Thiết bị văn phòng	03-05
Phương tiện vận tải	06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là bản quyền, chương trình phần mềm máy tính và chi phí thiết kế logo, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm.

Thuê tài sản

Tổng Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê mặt bằng, cho thuê thiết bị, tài sản tại các sân bay. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng và được cấp phép khai thác bởi cơ quan chức năng. Các công trình thuộc KCHTHK sau khi nghiệm thu hoàn thành sẽ được phân tách và ghi nhận là khoản phải thu Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, nhiên liệu đã xuất kho nhưng chưa sử dụng, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty được áp dụng theo quy định của Nhà nước đối với các dịch vụ do Nhà nước quy định giá; đối với các dịch vụ khác được Tổng Công ty xây dựng và ban hành theo quy định của luật giá áp dụng thống nhất tại các cảng hàng không.

Trong đó:

Doanh thu dịch vụ hàng không

- Doanh thu dịch vụ hạ cất cánh
- Doanh thu dịch vụ phục vụ hành khách
- Doanh thu dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không
- Doanh thu dịch vụ sân đậu tàu bay
- Doanh thu dịch vụ cho thuê cầu dẫn khách
- Doanh thu dịch vụ cho thuê quầy làm thủ tục hành khách
- Doanh thu dịch vụ phục vụ mặt đất
- Doanh thu dịch vụ nhượng quyền khai thác đối với các dịch vụ hàng không
- Dịch vụ hỗ trợ đảm bảo hoạt động bay
- Doanh thu dịch vụ hàng không khác

Doanh thu dịch vụ phi hàng không

Bao gồm doanh thu cho thuê mặt bằng, doanh thu dịch vụ bến bãi, doanh thu cho thuê thiết bị tài sản, doanh thu cho thuê quảng cáo, doanh thu vận chuyển, lưu trú, doanh thu dịch vụ kiểm tra, giám sát an ninh và các dịch vụ phi hàng không khác.

Doanh thu hoạt động khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu tại Tổng Công ty bao gồm khoản giảm giá dịch vụ đối với nhà vận chuyển, được tính theo tỷ lệ trên tổng giá trị dịch vụ trên hóa đơn thanh toán hàng tháng của các dịch vụ hàng không do Nhà nước quy định mức giá, khung giá tại Cảng hàng không, sân bay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính trong kỳ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty được lập trên cơ sở phân chia theo các lĩnh vực hoạt động kinh doanh.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
- Tiền mặt	955.173.924	1.205.242.333
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.892.943.080.976	4.472.311.691.962
- Tiền đang chuyển	4.207.122.244	2.081.226.504
- Các khoản tương đương tiền	342.000.000.000	1.831.000.000.000
	4.240.105.377.144	6.306.598.160.799

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
a. Ngắn hạn	7.243.790.436.153	10.486.058.757.701
<i>Phải thu khách hàng là các bên khác</i>	<i>7.230.151.050.804</i>	<i>10.408.594.154.949</i>
- Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	2.621.935.131.990	2.375.632.127.351
- Công ty Cổ phần Hàng Không VietJet	886.248.965.776	2.713.269.624.592
- Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	873.609.218.394	888.894.759.833
- Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	302.239.081.679	370.020.249.502
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	256.677.730.829	3.061.651.683.857
- Đối tượng khác	2.289.440.922.136	999.125.709.814
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>13.639.385.349</i>	<i>77.464.602.752</i>
b. Dài hạn	2.800.000.200	2.800.000.200
- Công ty Cổ phần Hoàng Long Yến	2.800.000.200	2.800.000.200
Tổng cộng	7.246.590.436.353	10.488.858.757.901
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.691.598.165.989)	(3.663.066.570.184)
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(2.800.000.200)	(2.800.000.200)
Giá trị thuần	3.552.192.270.164	6.822.992.187.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
a. Ngắn hạn	4.224.243.585.307	4.834.859.212.732
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Long Thành	980.681.759.908	978.156.707.717
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	480.089.700.021	108.583.154.223
- Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	455.238.199.128	106.975.754.795
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	204.873.268.491	459.139.164.935
- Tập đoàn Công nghiệp và Thương mại Xây dựng IC ICTAS	-	1.561.144.353.270
- Đối tượng khác	2.103.360.657.759	1.620.860.077.792
	4.224.243.585.307	4.834.859.212.732

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
a. Ngắn hạn	621.228.637.427	651.418.449.049
<i>Phải thu khác</i>	<i>621.228.637.427</i>	<i>651.418.449.049</i>
- Tài sản khí tượng bản giao cho Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	351.271.655.117	52.411.366.089
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	114.300.629.910	468.435.551.237
- Phải thu về cổ phần hóa	68.398.481.485	68.398.481.485
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.935.250.000	-
- Tạm ứng	19.215.077.225	12.134.502.170
- Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai khấu trừ	10.395.599.916	24.947.925.206
- Các khoản phải thu khác	22.711.943.774	25.090.622.862
b. Dài hạn	265.521.804.717	265.501.804.717
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất không được giao sử dụng tại Phú Quốc	184.565.128.906	184.565.128.906
- Khoản ứng trước cho Trung tâm phát triển quỹ đất Sóc Sơn tiền giải phóng mặt bằng Nhà ga Quốc tế T2 Nội Bài	80.936.675.811	80.936.675.811
- Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-
	886.750.442.144	916.920.253.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. NỢ XẤU

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	3.751.128.692.377	(3.691.598.165.989)	5.371.326.335.444	(3.663.066.570.184)
- CTCP Hàng không Tre Việt	2.600.381.279.140	(2.600.381.279.140)	2.360.923.707.370	(2.360.923.707.370)
- CTCP hàng không Pacific Airlines	871.661.226.586	(871.661.226.586)	887.868.598.186	(887.868.598.186)
- CTCP Hàng không Lữ Hành Việt Nam	244.963.362.179	(186.818.393.464)	345.048.558.423	(345.048.558.423)
- CTCP Hàng không Mê Kông (Air Mekong)	25.907.942.217	(25.907.942.217)	25.907.942.217	(25.907.942.217)
- Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP	-	-	1.740.764.646.813	(34.215.164.838)
- Các khách hàng khác	8.214.882.255	(6.829.324.582)	10.812.882.435	(9.102.599.150)
b. Dài hạn	2.800.000.200	(2.800.000.200)	2.800.000.200	(2.800.000.200)
- Công ty Cổ phần Hoàng Long Yến	2.800.000.200	(2.800.000.200)	2.800.000.200	(2.800.000.200)
	3.753.928.692.577	(3.694.398.166.189)	5.374.126.335.644	(3.665.866.570.384)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
- Nguyên liệu, vật liệu	253.281.736.220	237.864.583.545
- Hàng hóa	97.897.138.993	55.444.331.624
- Công cụ, dụng cụ	932.702.912	860.389.243
	352.111.578.125	294.169.304.412

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
a. Ngắn hạn	55.662.346.815	19.121.827.887
- Công cụ dụng cụ	40.383.680.586	7.416.867.477
- Bản quyền phần mềm	5.197.743.514	2.754.510.427
- Bảo hiểm hàng không, phi hàng không	4.215.401.132	4.009.277.302
- Chi phí nhiên liệu	2.641.873.447	2.258.535.558
- Các khoản khác	3.223.648.136	2.682.637.123
b. Dài hạn	186.398.982.420	74.300.607.023
- Dịch vụ tư vấn quản lý, khai thác Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành	88.783.308.522	-
- Công cụ dụng cụ	53.590.285.312	30.609.145.857
- Đền bù giải phóng mặt bằng dự án mở rộng phía Bắc Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng	14.251.985.746	14.251.985.746
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án mở rộng Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng	12.258.823.680	12.258.823.680
- Bản quyền phần mềm	10.344.670.051	10.895.245.353
- Các khoản khác	7.169.909.109	6.285.406.387
	242.061.329.235	93.422.434.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2025	30.036.110.360.644	16.244.374.728.191	3.330.430.566.384	133.005.768.918	49.743.921.424.137
- Tăng trong năm	-	1.228.244.936.928	46.840.126.880	41.364.281.208	1.316.449.345.016
- Đầu tư XDCB hoàn thành	9.299.588.021.765	5.764.654.044.624	-	669.122.582	15.064.911.188.971
- Nhận tài trợ/biêu tặng	-	1.016.321.509	-	-	1.016.321.509
- Thanh lý/tháo dỡ	(5.510.658.470)	(140.301.127.296)	(15.546.785.877)	(1.244.557.246)	(162.603.128.889)
- Phân loại lại	-	443.696.544	(634.284.762)	69.800.000	(120.788.218)
Tại ngày 31/12/2025	39.330.187.723.939	23.098.432.600.500	3.361.089.622.625	173.864.415.462	65.963.574.362.526
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2025	20.231.467.361.926	14.592.578.446.652	2.779.066.262.655	113.914.520.975	37.717.026.592.208
- Khấu hao trong năm	1.623.867.856.501	1.140.533.415.106	188.979.783.514	14.181.996.528	2.967.563.051.649
- Thanh lý/tháo dỡ	(5.510.658.470)	(140.301.127.296)	(15.546.785.877)	(1.244.557.246)	(162.603.128.889)
- Phân loại lại	(5.704.690)	(72.032.478)	(97.314.922)	69.800.000	(105.252.090)
Tại ngày 31/12/2025	21.849.818.855.267	15.592.738.701.984	2.952.401.945.370	126.921.760.257	40.521.881.262.878
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	9.804.642.998.718	1.651.796.281.539	551.364.303.729	19.091.247.943	12.026.894.831.929
Tại ngày 31/12/2025	17.480.368.868.672	7.505.693.898.516	408.687.677.255	46.942.655.205	25.441.693.099.648

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 26.281.178.093.424 đồng (tại 01/01/2025 là 25.312.226.654.041 đồng).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số "18. Vay và nợ thuê tài chính", Tổng Công ty đã sử dụng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, máy móc, thiết bị và các tài sản khác thuộc Nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài để thế chấp cho các khoản vay. Tại ngày 31/12/2025, giá trị còn lại của tài sản thế chấp là 2.048.249.391.166 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 2.193.322.935.082 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, Tổng Công ty đã phản ánh đầy đủ doanh thu và chi phí liên quan đến hoạt động khai thác tài sản tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc trong kết quả kinh doanh năm 2025. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2025 vẫn đang phản ánh Tài sản cố định do Tổng Công ty đầu tư tại Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc với giá trị còn lại là 761.836.999.793 đồng.

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm quản lý VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2025	5.999.947.000	31.467.132.176	170.000.000	37.637.079.176
- Tăng trong năm	2.836.600.000	2.642.660.270	-	5.479.260.270
Tại ngày 31/12/2025	8.836.547.000	34.109.792.446	170.000.000	43.116.339.446
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2025	2.674.579.740	22.686.107.028	170.000.000	25.530.686.768
- Hao mòn trong năm	1.138.690.955	4.674.334.178	-	5.813.025.133
Tại ngày 31/12/2025	3.813.270.695	27.360.441.206	170.000.000	31.343.711.901
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2025	3.325.367.260	8.781.025.148	-	12.106.392.408
Tại ngày 31/12/2025	5.023.276.305	6.749.351.240	-	11.772.627.545

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 22.093.076.282 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 21.704.976.282 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
a. Dự án thuộc Tổng Công ty	35.170.915.719.284	20.859.686.039.079
- <i>Mua sắm Tài sản cố định</i>	<i>300.778.441.693</i>	<i>820.214.648.403</i>
- <i>Xây dựng cơ bản</i>	<i>34.858.390.534.539</i>	<i>20.033.406.833.260</i>
+ Xây dựng Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (Giai đoạn 1)	34.226.776.308.217	12.746.492.112.285
+ Xây dựng nhà ga hàng hóa - Cảng hàng không Quốc tế Cát Bi	293.911.255.637	13.299.463.825
+ Mở rộng, nâng cấp Cảng Hàng không Cà Mau	75.104.843.185	-
+ Xây dựng nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Cát Bi	65.952.527.766	23.778.717.585
+ Mở rộng, cải tạo sân đỗ máy bay - Cảng Hàng không Quốc tế Vinh	54.663.611.907	4.583.869.940
+ Xây dựng nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất	-	5.830.907.336.252
+ Mở rộng sân đỗ máy bay, hệ thống tiếp nhiên liệu khu vực nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài	-	569.986.014.899
+ Mở rộng nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài	-	484.907.945.726
+ Công trình khác	141.981.987.827	359.451.372.748
- <i>Sửa chữa tài sản cố định</i>	<i>11.746.743.052</i>	<i>6.064.557.416</i>
b. Dự án thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng không	29.118.641.428	33.241.595.728
- <i>Xây dựng cơ bản</i>	<i>1.213.327.272</i>	<i>1.213.327.272</i>
+ Cải tạo đường hạ cất cánh Cảng hàng không Buôn Ma Thuột	1.213.327.272	1.213.327.272
- <i>Sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng hàng không</i>	<i>27.905.314.156</i>	<i>32.028.268.456</i>
TỔNG CỘNG	35.200.034.360.712	20.892.927.634.807

Công trình tạm tăng nhưng chưa có quyết toán của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 với số tiền là 27.914.590.262.594 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 15.365.354.571.874 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP)

Chi tiết các dự án tạm tăng chờ quyết toán:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
- Xây dựng nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài	12.020.730.385.315	12.020.730.385.315
- Xây dựng nhà ga hành khách T3 - Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất	9.948.224.988.980	-
- Mở rộng Nhà ga Hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài	4.240.416.233.480	
- Mở rộng Sân đỗ Máy bay, hệ thống tiếp nhiên liệu khu vực nhà ga Hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài	926.624.024.933	301.888.648.993
- Sửa chữa đường cất hạ cánh, đường lăn - Cảng Hàng không Quốc tế Vinh	469.560.954.832	-
- Xây dựng nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài	9.019.209.897	1.858.682.723.434
- Đầu tư xây dựng mở rộng Cảng Hàng không Điện Biên	-	973.097.795.707
- Các công trình khác	300.014.465.157	215.494.982.374
Cộng	<u>27.914.590.262.594</u>	<u>15.369.894.535.823</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba (3) tháng đến một (1) năm.
- b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:
 - Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết:

	Tại ngày 31/12/2025				Tại ngày 01/01/2025			
	Số lượng	Tỷ lệ	Giá trị ghi sổ	Giá trị	Số lượng	Tỷ lệ	Giá trị ghi sổ	Giá trị
		%	VND	khoản đầu tư VND		khoản đầu tư VND	%	VND
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	65.504.200	49,07%	1.585.201.640.000	1.852.027.322.531	65.504.200	49,07%	1.585.201.640.000	1.734.656.633.528
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	16.128.051	48,03%	486.859.102.200	985.797.999.226	16.128.051	48,03%	486.859.102.200	945.567.174.342
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng Máy bay Cảng Hàng không Miền Nam (*)	1.305.000	30,00%	14.851.258.736	13.787.501.475	1.305.000	30,00%	14.851.258.736	15.480.013.409
- Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	493.000	29,53%	7.532.433.978	2.450.990.139	493.000	29,53%	7.532.433.978	2.448.939.350
- Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	6.000.000	20,00%	30.000.000.000	87.052.309.640	6.000.000	20,00%	30.000.000.000	71.879.070.314
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội								
Tổng cộng			2.139.744.434.914	3.009.801.691.190			2.139.744.434.914	2.832.267.242.928

(*) Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không Miền Nam là Liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập giữa Tổng Công ty và đối tác Singapore Sia Engineering Company Limited từ năm 2009 để liên doanh cung cấp dịch vụ bảo dưỡng máy bay tại Việt Nam (tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty lần lượt là 51% và 50%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- o **Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025		
	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Giá trị ghi số VND	Tỷ lệ %	Giá trị ghi số VND
- Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa hàng không Việt Nam	7.500.000	19,42%	50.000.000.000	19,42%	50.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	13.974.100	13,69%	77.301.079.780	13,62%	75.539.048.804
- Công ty Cổ phần Đầu tư TCP	1.980.000	18,00%	19.800.000.000	18,00%	19.800.000.000
- Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh	7.500.000	10,00%	60.000.000.000	10,00%	60.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	10.710.000	10,00%	30.000.000.000	10,00%	30.000.000.000
Tổng cộng			237.101.079.780		235.339.048.804
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			(60.000.000.000)		(60.000.000.000)
Giá trị thuần			177.101.079.780		175.339.048.804

(*) Khoản dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh với tỷ lệ 100% giá gốc khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. TÀI SẢN THUẾ HOẢN LẠI/THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	610.006.051.286	301.142.006.909
- Trích trước chi phí thuê đất	8.282.445.376	13.480.182.562
- Khấu hao tài sản cố định tạm tăng	21.676.681.785	12.220.241.902
- Chi phí sửa chữa	11.015.433.937	-
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	(3.032.330.467)	(19.330.393.933)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	647.948.281.917	307.512.037.440
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	402.916.715	402.916.715
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	402.916.715	402.916.715

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
a. Ngắn hạn	2.993.558.465.488	1.684.755.826.546
<i>Phải trả người bán là các bên khác</i>	<i>2.976.225.124.611</i>	<i>1.676.846.736.273</i>
- Tập đoàn Công nghiệp và Thương mại Xây dựng IC ICTAS	768.847.245.878	-
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	300.326.502.408	94.278.953.505
- Công ty Cổ phần Kết cấu thép ATAD	196.509.543.587	4.722.755.560
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng RICON S	165.366.992.107	146.357.536.872
- Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	140.670.884.139	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Chuyển giao công nghệ ITC	123.363.429.914	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	109.871.494.597	-
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP	93.645.791.666	230.214.721.362
- Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Xây dựng Việt Nam (VINADIC)	66.036.644.722	288.560.309.500
- Các người bán khác	1.011.586.595.593	912.712.459.474
<i>Phải trả nhà cung cấp là các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>17.333.340.877</i>	<i>7.909.090.273</i>
	2.993.558.465.488	1.684.755.826.546

Tổng Công ty có khả năng thanh toán tất cả các khoản phải trả người bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp	Tại ngày 01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	19.966.360.245	210.325.575.696	211.489.719.050	18.802.216.891
- Lệ phí môn bài	-	29.000.000	28.000.000	1.000.000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.054.004.184.515	3.284.566.364.837	2.581.824.746.997	2.756.745.802.355
- Thuế thu nhập cá nhân	81.820.723.810	370.943.081.636	403.157.791.703	49.606.013.743
- Thuế tài nguyên	55.676.640	1.033.824.820	1.038.929.460	50.572.000
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.862.616.192	151.453.651.247	148.619.192.492	7.697.074.947
- Thuế bảo vệ môi trường	3.422.186.009	19.075.860.738	20.722.647.055	1.775.399.692
- Thuế nhà thầu	3.486.303.248	30.976.725.236	30.528.259.952	3.934.768.532
- Các khoản phải nộp từ chênh lệch thu chi hoạt động khai thác tài sản KCHTHK	1.224.360.366.081	1.385.094.622.527	1.250.000.000.000	1.359.454.988.608
- Các khoản phải nộp khác	-	8.952.258.621	8.948.262.688	3.995.933
Tổng cộng	3.391.978.416.740	5.462.450.965.358	4.656.357.549.397	4.198.071.832.701

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC (TIẾP)

	Tại ngày 01/01/2025		Số phải thu trong năm		Số đã thu trong năm		Tại ngày 31/12/2025	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu								
- Thuế giá trị gia tăng	446.958.286		774.759.563		102.284.246		1.119.433.603	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	628.979.666		-		-		628.979.666	
- Thuế thu nhập cá nhân	199.236.175		914.044.829		112		1.113.280.892	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.620.732.976		14.951.242.349		2.269.180.858		16.302.794.467	
- Lệ phí môn bài	4.040.600		-		-		4.040.600	
Tổng cộng	4.899.947.703		16.640.046.741		2.371.465.216		19.168.529.228	

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 01/01/2025		Phát sinh trong năm		Tại ngày 31/12/2025	
	Giá trị VND	Phân loại vay dài hạn đến hạn trả VND	Trả gốc vay VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm VND	Giá trị VND	Giá trị VND
a. Vay dài hạn đến hạn trả	395.932.592.937	395.932.592.938	(420.843.433.716)	40.553.106.601	411.574.858.760	
- Hiệp định vay vốn VNIX-2; Dự án xây dựng nhà ga hành khách Quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất bằng nguồn vốn ODA (1)	113.261.757.991	113.261.757.992	(121.595.741.346)	13.173.542.109	118.101.316.746	
- Hiệp định vay vốn VNXVII-6 Dự án xây dựng nhà ga T2 Cảng HKQT Nội Bài bằng nguồn vốn ODA (2)	63.654.578.946	63.654.578.946	(66.898.124.370)	5.676.204.492	66.087.238.014	
- Hiệp định vay vốn số VN11-P6 Dự án xây dựng nhà ga T2 Cảng HKQT Nội Bài bằng nguồn vốn ODA (3)	105.282.944.000	105.282.944.000	(110.647.680.000)	9.388.288.000	109.306.496.000	
- Hiệp định vay vốn số VN13-P3 Dự án Xây dựng Nhà Ga T2 Cảng HKQT Nội Bài bằng nguồn vốn ODA (4)	113.733.312.000	113.733.312.000	(121.701.888.000)	12.315.072.000	118.079.808.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Tại ngày 01/01/2025		Phát sinh trong năm		Tại ngày 31/12/2025	
	Giá trị VND	Phân loại vay dài hạn đến hạn trả VND	Trả gốc vay VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm VND	Giá trị VND	Giá trị VND
b. Dài hạn	9.346.256.069.500	(395.932.592.938)	-	349.716.837.631	9.300.040.314.193	
- Hiệp định vay vốn VNIX-2: Dự án xây dựng nhà ga hành khách Quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất bằng nguồn vốn ODA (1)	1.812.188.127.828	(113.261.757.992)	-	72.593.381.323	1.771.519.751.159	
- Hiệp định vay vốn VN17-6: Dự án xây dựng nhà ga T2 Cảng HKQT Nội Bài bằng nguồn vốn ODA (2)	1.559.537.189.672	(63.654.578.946)	-	57.167.488.308	1.553.050.099.034	
- Hiệp định vay vốn số VN11-P6: Dự án xây dựng nhà ga T2 Cảng HKQT Nội Bài bằng nguồn vốn ODA (3)	2.789.998.016.000	(105.282.944.000)	-	102.600.576.000	2.787.315.648.000	
- Hiệp định vay vốn số VN13-P3 Dự án Xây dựng Nhà Ga T2 Cảng HKQT Nội Bài bằng nguồn vốn ODA (4)	3.184.532.736.000	(113.733.312.000)	-	117.355.392.000	3.188.154.816.000	
Cộng	9.742.188.662.437	-	(420.843.433.716)	390.269.944.232	9.711.615.172.953	

Các khoản vay dài hạn theo đồng Việt Nam được hoàn trả theo lịch biểu tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025:

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	JPY	VND	JPY	VND
- Trong vòng một năm	2.531.502.349,44	411.574.858.760	2.531.502.349,44	411.574.858.760
- Trong năm thứ hai	2.531.502.349,44	411.574.858.760	2.531.502.349,44	411.574.858.760
- Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	7.594.507.048,32	1.234.724.576.280	7.594.507.048,32	1.234.724.576.280
- Trên năm năm	47.027.000.891,64	7.653.740.879.153	49.558.503.241,08	7.684.314.368.637
Cộng	59.684.512.638,84	9.711.615.172.953	62.216.014.988,28	9.742.188.662.437
- Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	2.531.502.349,44	411.574.858.760	2.531.502.349,44	395.932.592.937
Số phải trả sau 12 tháng	57.153.010.289,40	9.300.040.314.193,00	59.684.512.638,84	9.346.256.069.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(1) Khoản vay tín dụng bằng nguồn vốn ODA theo Hiệp định vay vốn số VNIX-2 ngày 29 tháng 3 năm 2002 giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) (nay là Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản - JICA). Khoản vay này được thực hiện thông qua Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II) theo Hợp đồng tín dụng vay vốn ODA số 038/TDNN-TDTW1 ngày 15 tháng 08 năm 2002 và Hợp đồng ủy quyền cho vay lại vốn JBIC số 06/2002/UQ/BTC-TCĐN ngày 17 tháng 07 năm 2001 giữa Quỹ hỗ trợ phát triển và Bộ Tài chính (đại diện là Vụ Tài chính đối ngoại).

- Số dư nợ vay đến 31 tháng 12 năm 2025 là 11.696.818.742,84 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 12.427.869.914,28 Yên Nhật); trong đó, số dư nợ vay đến hạn trả là 731.051.171,44 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 731.051.171,44 Yên Nhật).
- Tổng số vốn vay theo hợp đồng là 22.768.000.000 Yên Nhật, thời hạn cho vay và trả nợ trong 40 năm và thời gian ân hạn là 10 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực;
- Mục đích vay: xây dựng Nhà ga hành khách Quốc tế Sân bay Tân Sơn Nhất;
- Khoản vay không có tài sản thế chấp;
- Lãi suất vay là 1,6%/năm tính trên số dư nợ vay.

(2) Khoản vay tín dụng bằng nguồn vốn ODA theo Hiệp định vay vốn số VNXVII-6 ngày 18 tháng 3 năm 2010 giữa Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ Việt Nam.

- Số dư nợ vay đến 31 tháng 12 năm 2025 là 9.933.357.896 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 10.338.801.074 Yên Nhật); trong đó, số dư nợ vay đến hạn trả là 405.443.178 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 405.443.178 Yên Nhật).
- Tổng số vốn vay theo hợp đồng là 12.607.000.000 Yên Nhật với thời hạn cho vay và trả nợ trong 40 năm và thời gian ân hạn là 10 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực;
- Thời gian giải ngân trong vòng 7 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực.
- Mục đích vay: xây dựng Nhà ga Quốc tế Nội Bài T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài;
- Tổng Công ty đã sử dụng tài sản thuộc Nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài để thế chấp cho khoản vay này;
- Lãi suất cho vay và phí cho vay lại là 0,4%/năm áp dụng cho chi phí xây dựng và 0,21%/năm cho chi phí tư vấn.

(3) Khoản vay tín dụng bằng nguồn vốn ODA theo Hiệp định vay vốn số VN11-P6 ngày 30 tháng 3 năm 2012 giữa Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ Việt Nam.

- Số dư nợ vay đến 31 tháng 12 năm 2025 là 17.770.688.000 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 18.441.280.000 Yên Nhật); trong đó, số dư nợ vay đến hạn trả là 670.592.000 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 670.592.000 Yên Nhật).
- Tổng số vốn vay theo hợp đồng là 20.584.000.000 Yên Nhật với thời hạn cho vay và trả nợ trong 40 năm và thời gian ân hạn là 10 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực;
- Thời gian giải ngân trong vòng 5 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực;
- Mục đích vay: xây dựng Nhà ga Quốc tế Nội Bài T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài;
- Tổng Công ty đã sử dụng tài sản thuộc Nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài để thế chấp cho khoản vay này;
- Lãi suất cho vay và phí cho vay lại là 0,4%/năm áp dụng cho chi phí xây dựng và 0,21%/năm cho chi phí tư vấn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(4) Khoản vay tín dụng bằng nguồn vốn ODA theo Hiệp định vay vốn số VN13-P3 ngày 24 tháng 12 năm 2013 giữa Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ Việt Nam.

- Số dư nợ vay đến 31 tháng 12 năm 2025 là 20.283.648.000 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 21.008.064.000 Yên Nhật); trong đó, số dư nợ vay đến hạn trả là 724.416.000 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 724.416.000 Yên Nhật).
- Tổng số vốn vay theo hợp đồng là 26.062.000.000 Yên Nhật;
- Thời gian giải ngân trong vòng 7 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực; thời hạn cho vay và trả nợ trong 40 năm và thời gian ân hạn là 10 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực;
- Mục đích vay: xây dựng Nhà ga Quốc tế Nội Bài T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài;
- Tổng Công ty đã sử dụng tài sản thuộc Nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài để thế chấp cho khoản vay này;
- Lãi suất cho vay và phí cho vay lại là 0,3%/năm áp dụng cho chi phí xây dựng và 0,21%/năm cho chi phí tư vấn.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
- Giá trị tạm tăng tài sản của các công trình xây dựng cơ bản	2.243.563.904.859	133.495.467.231
- Tiền thuế đất, thuê đất phải nộp	57.208.708.663	67.400.912.811
- Chi phí điều hành, thương quyền	22.212.407.354	-
- Tiền điện	19.967.835.575	13.281.706.152
- Lãi vay	16.830.301.074	17.114.000.000
- Hoa hồng thu hộ	16.405.464.658	9.704.583.302
- Các khoản khác	13.357.538.300	26.962.180.863
	2.389.546.160.483	267.958.850.359

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn	401.033.964.280	186.090.282.798
- Chênh lệch còn lại từ hoạt động bảo đảm ANHK (*)	252.335.313.320	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	98.876.149.669	83.495.062.465
- Hoa hồng thu hộ	19.812.980.315	75.159.349.224
- Phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không	10.893.530.000	17.570.214.000
- Kinh phí công đoàn	2.639.651.638	3.137.245.429
- Các khoản khác	16.476.339.338	6.728.411.680
b. Dài hạn	371.294.180.604	260.595.388.007
- Ký cược, ký quỹ	371.294.180.604	260.595.388.007
	772.328.144.884	446.685.670.805

(*) Chi tiết tại Thuyết minh số 36 – Thông tin liên quan hoạt động bảo đảm an ninh hàng không

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	21.771.732.360.000	14.602.790.587	14.602.790.587	(2.918.680.000)	6.034.593.641.645	22.542.351.236.061	53.282.484.219	50.413.643.832.512	-	10.420.908.235.040	12.980.969.923	10.433.889.204.963	-	10.433.889.204.963
- Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)	-	(7.200.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích Quỹ Khen thưởng - Phục lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(793.831.910.918)	(2.672.873.945)	(796.504.784.863)	-	(796.504.784.863)
- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.141.331.200)	-	-	-	(3.141.331.200)
Tại ngày 31/12/2024	21.771.732.360.000	14.602.790.587	14.602.790.587	(2.918.680.000)	6.034.593.641.645	32.166.286.228.983	56.390.580.197	60.040.686.921.412	-	17.767.041.160.439	12.854.488.264	69.902.494.343.895	-	69.902.494.343.895
Tại ngày 01/01/2025	21.771.732.360.000	14.602.790.587	14.602.790.587	(2.918.680.000)	6.034.593.641.645	32.166.286.228.983	56.390.580.197	60.040.686.921.412	-	14.056.742.870.000	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm (*)	14.056.742.870.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	-	(3.939.170.000)	-	-	-	-	-	-	-	(3.939.170.000)	-	(3.939.170.000)
- Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.814.923.270.844	12.854.488.264	10.827.777.759.108	-	10.827.777.759.108
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(8.800.000.000)	(8.800.000.000)	-	(8.800.000.000)
- Trích Quỹ Đầu tư Phát triển (**)	-	-	-	-	10.208.272.137.013	(10.208.272.137.013)	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích Quỹ Khen thưởng - Phục lợi (***)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(945.826.176.375)	(4.077.834.250)	(949.904.010.625)	-	(949.904.010.625)
- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (***)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.327.156.000)	-	(3.327.156.000)	-	(3.327.156.000)
Tại ngày 31/12/2025	35.828.475.230.000	14.602.790.587	14.602.790.587	(6.857.850.000)	16.242.865.778.658	17.767.041.160.439	56.367.234.211	69.902.494.343.895	-	17.767.041.160.439	12.854.488.264	69.902.494.343.895	-	69.902.494.343.895

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

a. Biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp)

- (*) Tăng vốn bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỉ lệ 100:64,58 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại tại ngày 31/12/2023 theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2025 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty.

Theo Báo cáo Kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 402/BC-HĐQT ngày 15/08/2025, Tổng Công ty đã phát hành 1.405.674.287 cổ phiếu cho 11.992 cổ đông (tương ứng với 14.056.742.870.000 đồng) theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền ngày 12/08/2025 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

- (**) Trích quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại tại 31/12/2023 theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2025 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty và Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông.

- (***) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành năm 2024 theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty với tổng số tiền 943.036.581.000 đồng.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
- Bộ Tài chính	34.182.328.070.000	95,4055%	20.769.430.110.000	95,3963%
- Cổ đông khác	1.640.912.160.000	4,5799%	1.000.074.250.000	4,5935%
- Cổ phiếu quỹ	5.235.000.000	0,0146%	2.228.000.000	0,0102%
	35.828.475.230.000	100%	21.771.732.360.000	100%

c. Cổ phần

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.582.847.523	2.177.173.236
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.582.847.523	2.177.173.236
+ Cổ phiếu phổ thông	3.582.847.523	2.177.173.236
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	523.500	222.800
+ Cổ phiếu phổ thông	523.500	222.800
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.582.324.023	2.176.950.436
+ Cổ phiếu phổ thông	3.582.324.023	2.176.950.436
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.973.085.016.299	22.700.675.019.103
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ hàng không	21.671.148.263.489	18.622.033.063.749
Doanh thu phục vụ hành khách	12.500.304.942.816	10.869.320.062.857
Doanh thu dịch vụ cất, hạ cánh	3.263.381.973.476	2.810.800.197.907
Doanh thu dịch vụ bảo đảm an ninh hành khách, hành lý	1.782.720.700.895	1.577.408.173.244
Doanh thu phục vụ mặt đất cơ bản/ trọn gói	712.873.843.883	529.619.717.326
Doanh thu dịch vụ hàng không khác	3.411.866.802.419	2.834.884.912.415
Doanh thu cung cấp dịch vụ phi hàng không:	3.247.917.907.161	2.830.311.657.024
Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.655.777.915.170	1.409.182.101.807
Doanh thu dịch vụ sử dụng hạ tầng nội cảng	507.815.908.289	430.497.782.609
Doanh thu cho thuê quảng cáo	276.954.039.177	310.812.055.227
Doanh thu dịch vụ cung cấp tiện ích (điện, nước, gas, vệ sinh, y tế)	197.659.790.958	171.499.146.043
Doanh thu phục vụ khách VIP, F, C,...	189.717.003.741	125.611.065.444
Doanh thu dịch vụ phi hàng không khác	419.993.249.826	382.709.505.894
Doanh thu bán hàng	1.054.018.845.649	1.248.330.298.330
Các khoản giảm trừ doanh thu	(75.434.964.476)	(104.074.076.959)
Chiết khấu thương mại	(75.434.964.476)	(104.074.076.959)
Doanh thu thuần	25.897.650.051.823	22.596.600.942.144
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.843.631.206.174	21.348.270.643.814
Doanh thu bán hàng	1.054.018.845.649	1.248.330.298.330

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.807.190.810.437	8.120.111.413.833
- Giá vốn hàng bán	474.726.604.045	603.345.534.010
	10.281.917.414.482	8.723.456.947.843

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi	564.968.799.470	1.090.297.586.901
- Cổ tức lợi nhuận được chia	268.938.770.934	191.741.527.205
- Lãi chênh lệch tỷ giá trong năm	141.371.826.330	63.023.383.433
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	-	394.110.693.316
	975.279.396.734	1.739.173.190.855

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	60.462.429.448	60.523.614.159
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	306.014.909.489	44.158.158.957
- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm	90.583.387.909	-
	457.060.726.846	104.681.773.116

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân viên bán hàng	83.307.833.797	85.934.375.148
- Chi phí vật liệu, bao bì bán hàng	139.527.668	177.496.740
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	4.159.223.976	5.044.069.308
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.170.179	83.354.934
- Chi phí điều hành, thương quyền	280.366.949.590	248.627.574.063
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	1.252.693.591	1.804.671.312
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.263.218.372	9.566.781.328
- Chi phí khác	27.386.224.045	18.253.974.065
	402.940.841.218	369.492.296.898

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân viên quản lý	834.175.441.643	787.548.886.627
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	13.018.077.290	12.570.269.328
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.696.347.348	31.078.841.664
- Thuế, phí, lệ phí	18.368.905.060	19.541.968.069
- Chi phí sửa chữa tài sản	51.035.324.824	8.228.795.179
- Chi phí điện, nước, thông tin liên lạc	25.033.287.280	24.256.086.259
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	88.291.461.838	33.524.944.288
- Chi phí phúc lợi cho người lao động	46.561.009.349	37.192.364.300
- Công tác phí	33.581.450.112	33.809.850.670
- Chi ủng hộ, tài trợ	2.130.000.000	2.090.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	148.975.317.981	110.759.780.161
- Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	28.531.595.805	(57.480.182.327)
	1.327.398.218.530	1.043.121.604.218

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân viên	4.223.841.105.065	3.991.857.946.836
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	154.446.163.343	126.134.635.863
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.970.131.531.386	2.289.294.864.854
- Thuế, phí, lệ phí	134.283.534.049	141.851.735.855
- Chi phí sửa chữa tài sản	1.426.527.439.946	851.616.887.552
- Chi phí điều hành, thương quyền	280.366.949.590	248.627.574.063
- Bảo hiểm hàng không, phi hàng không	35.113.069.646	31.110.730.572
- Chi phí điện, nước, thông tin liên lạc	647.600.774.798	527.272.540.530
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	563.050.367.997	437.699.609.718
- Chi hoa hồng, môi giới	203.968.489.183	177.364.509.744
- Chi phí phúc lợi cho người lao động	309.207.846.446	244.348.201.725
- Phí nhượng quyền khai thác	186.400.197.500	218.790.610.500
- Chi ủng hộ, tài trợ	2.130.000.000	2.090.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	370.074.222.912	302.145.649.464
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	30.388.178.324	(57.480.182.327)
	11.537.529.870.185	9.532.725.314.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Lãi phạt chậm thanh toán	527.133.231.361	-
- Thu nhập do nhượng bán, thanh lý tài sản	27.624.377.259	4.763.526.674
- Tài sản được tặng, bàn giao, tài trợ	21.283.690.111	12.237.759.254
- Thu do vi phạm hợp đồng kinh tế	7.758.905.673	12.897.111.198
- Thương tiết kiệm hao hụt nhiên liệu	2.195.555.873	2.268.586.390
- Bảo hiểm bồi thường	1.056.069.180	-
- Doanh thu các niên độ trước ghi nhận vào năm này	-	12.278.247.250
- Các khoản khác	527.376.371	958.992.079
	587.579.205.828	45.404.222.845

31. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Các khoản phạt	8.918.503.913	3.364.376.044
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, vật tư tồn kho	2.818.749.069	913.018.293
- Chi phí liên quan phát hành hồ sơ mời thầu	267.088.155	357.503.829
- Chi phí thuê đất, thuế đất niên độ trước	-	7.277.606.937
- Các khoản khác	82.452.827	63.340.445
	12.086.793.964	11.975.845.548

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ	10.814.923.270.844	10.420.908.235.040
- Phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	(949.153.332.375)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.814.923.270.844	9.471.754.902.665
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (ii)	3.582.480.552	3.582.480.552
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.019	2.644

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

(i) Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chưa thực hiện tạm phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 để điều chỉnh giảm lợi nhuận dùng làm cơ sở tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Khi có quyết định chính thức về việc phân phối lợi nhuận, Tổng Công ty sẽ phản ánh ảnh hưởng của số phân phối vào lãi trên cổ phiếu của năm 2025 tại kỳ phát sinh quyết định phân phối.

(ii) Trong năm 2025, Tổng Công ty đã hoàn thành việc phát hành 1.405.674.287 cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2024. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 sau khi trình bày lại là 2.644 đồng/cổ phiếu, so với mức 4.787 đồng/cổ phiếu đã được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng		16.670.095.694	16.343.162.569
Ông Lê Văn Khiên	Quyền Chủ tịch HĐQT (từ ngày 17/03/2026) Thành viên HĐQT (đến hết ngày 16/03/2026)	1.581.858.625	1.561.901.201
Ông Vũ Thế Phiệt	Chủ tịch HĐQT (đến hết ngày 16/03/2026)	1.833.614.670	1.756.563.181
Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng	Thành viên HĐQT	1.579.164.477	1.578.141.792
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Thành viên HĐQT	1.560.320.135	1.310.544.122
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên HĐQT (đến hết ngày 30/06/2025)	799.221.930	1.601.710.482
Ông Đào Việt Dũng	Thành viên HĐQT	1.632.634.462	1.622.774.516
Ông Nguyễn Tiến Việt	Phó Tổng Giám đốc	1.550.744.385	1.529.575.878
Ông Nguyễn Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	1.586.154.309	1.554.716.969
Ông Trần Anh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	1.549.679.409	1.514.949.610
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.463.166.451	1.055.813.575
Ông Nguyễn Văn Nhung	Kế toán trưởng	1.533.536.841	1.256.471.243
Ban Kiểm soát		3.305.041.611	3.349.829.395
Bà Huỳnh Thị Diệu	Trưởng ban	1.544.882.615	1.522.670.524
Ông Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên	975.248.312	934.396.616
Ông Lương Quốc Bình	Thành viên	784.910.684	892.762.255
TỔNG CỘNG		19.975.137.305	19.692.991.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Mối quan hệ với các bên liên quan :

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng Máy bay Cảng hàng không Miền Nam

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên doanh

Số dư bên liên quan

	<u>Tại ngày 31/12/2025</u> VND	<u>Tại ngày 01/01/2025</u> VND
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
- Công ty CP Vận tải Hàng không Miền Nam	5.348.877.811	4.679.554.242
- Công ty CP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	4.154.847.519	15.470.500.646
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	2.451.890.949	7.440.729.726
- Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	1.683.681.070	49.673.540.407
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng Máy bay Cảng Hàng không Miền Nam	88.000	200.277.731
	<u>13.639.385.349</u>	<u>77.464.602.752</u>
	<u>Tại ngày 31/12/2025</u> VND	<u>Tại ngày 01/01/2025</u> VND
Phải trả nhà cung cấp là các bên liên quan		
- Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	12.307.373.555	5.091.784.600
- Công ty CP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	3.528.013.778	2.629.015.264
- Công ty CP Vận tải Hàng không Miền Nam	1.065.177.482	169.474.495
- Công ty CP Phục vụ Mặt đất Hà Nội	411.183.917	4.687.552
- Công ty CP Thương mại Hàng không miền Nam	21.592.145	14.128.362
	<u>17.333.340.877</u>	<u>7.909.090.273</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	553.184.024.842	513.238.889.968
- Công ty CP Phục vụ mặt đất Sài Gòn	152.072.596.760	172.896.881.831
- Công ty CP Phục vụ mặt đất Hà Nội	77.896.794.290	96.983.613.434
- Công ty CP Vận tải Hàng không Miền Nam	16.556.527.264	11.451.756.002
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo Dưỡng Máy bay Cảng Hàng không Miền Nam	8.804.210.222	8.465.893.344
- Công ty CP Thương mại Hàng không Miền Nam	8.289.815	23.788.888
	808.522.443.193	803.060.823.467
	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng với các bên liên quan		
- Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	41.879.029.012	31.319.697.355
- Công ty CP Phục vụ mặt đất Sài Gòn	12.449.910.240	7.790.070.165
- Công ty CP Phục vụ mặt đất Hà Nội	3.287.413.728	2.376.298.681
- Công ty CP Vận tải Hàng không Miền Nam	2.036.610.012	745.593.839
- Công ty CP Thương mại Hàng không Miền Nam	595.219.738	579.437.281
	60.248.182.730	42.811.097.321
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu tài chính với các bên liên quan		
- Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	184.001.297.800	106.509.829.200
- Công ty CP Phục vụ mặt đất Sài Gòn	40.320.127.500	40.320.127.500
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo Dưỡng Máy bay Cảng Hàng không Miền Nam	20.157.750.000	15.577.236.000
- Công ty CP Phục vụ mặt đất Hà Nội	8.219.532.408	15.380.000.000
	252.698.707.708	177.787.192.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Tại ngày 31/12/2025</u>	<u>Tại ngày 01/01/2025</u>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	137.998.893,36	170.998.585,67
- Rúp Nga (RUB)	4.408,54	5.728,54
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.645.440.325	2.645.440.325
Hàng hóa nhận ký gửi (VND)	1.742.240.472	1.711.631.731
Giá trị còn lại Tài sản giữ hộ (VND)	2.344.960.414.217	3.382.519.648.259
- Tài sản KCHTHK thuộc sở hữu của Nhà nước mà Tổng công ty đang khai thác (*)	2.269.827.556.217	3.307.386.790.259
- Tài sản khác thuộc sở hữu của Nhà nước mà Tổng Công ty đang khai thác	75.132.858.000	75.132.858.000

(*) Đã giảm trừ giá trị còn lại tài sản KCHTHK tại Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc theo Biên bản bàn giao ngày 09/07/2025.

35. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG (KCHTHK)

Nội dung	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
I. Nguồn thu từ khai thác tài sản KCHTHK	3.193.501.435.515	2.748.067.748.888
1. Doanh thu dịch vụ cất, hạ cánh	3.267.293.311.064	2.814.851.848.707
- Các khoản giảm trừ doanh thu	75.434.780.138	66.784.099.819
- Doanh thu thuần	3.191.858.530.926	2.748.067.748.888
2. Lãi tiền gửi	1.343.516.390	-
3. Thu nhập khác	299.388.199	-
II. Các khoản chi cho hoạt động khai thác tài sản KCHTHK	1.808.406.812.988	1.505.386.295.969
1. Chi hoạt động	1.462.133.157.356	1.194.715.932.740
- Chi phí nhân viên	343.262.301.421	539.264.244.123
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	7.436.905.935	7.924.735.397
- Chi phí khấu hao tài sản cố định phân bổ	74.431.749.170	69.356.513.104
- Thuế, phí, lệ phí	1.583.262.325	1.273.581.402
- Chi phí sửa chữa tài sản	822.625.367.697	380.877.226.025
- Chi phí điện, nước, thông tin liên lạc	21.172.052.557	19.638.148.585
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	102.879.127.433	82.032.572.560
- Chi phí phúc lợi người lao động	26.613.651.963	31.098.361.672
- Chi phí bằng tiền khác	56.596.339.792	59.572.545.328
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.532.399.063	3.678.004.544
2. Chi phí thuế TNDN hiện hành	346.155.663.157	310.342.985.841
3. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	117.992.475	327.377.388
III. Chênh lệch còn lại (I - II)	1.385.094.622.527	1.242.681.452.919
1. Nộp về Ngân sách trung ương	1.364.670.319.314	-
2. Nộp về Ngân sách tỉnh An Giang	20.424.303.213	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG (KCHTHK) (TIẾP)

Báo cáo về doanh thu và chi phí phát sinh từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc trong giai đoạn từ ngày 09 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Nội dung	Từ ngày 09/07/2025 đến ngày 31/12/2025
	VND
I. Nguồn thu từ khai thác tài sản KCHTHK	60.736.543.022
1. Doanh thu dịch vụ cất, hạ cánh	61.817.524.851
- Các khoản giảm trừ doanh thu	1.133.509.050
- Doanh thu thuần	60.684.015.801
2. Lãi tiền gửi	52.527.221
II. Các khoản chi cho hoạt động khai thác tài sản KCHTHK	40.312.239.809
1. Chi hoạt động	35.206.164.006
- Chi phí nhân viên	1.887.543.699
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	90.542.012
- Chi phí khấu hao tài sản cố định phân bổ	557.200.589
- Thuế, phí, lệ phí	20.256.835
- Chi phí sửa chữa tài sản	27.568.401.256
- Chi phí điện, nước, thông tin liên lạc	924.015.346
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.425.964.256
- Chi phí phúc lợi người lao động	103.110.805
- Chi phí bằng tiền khác	277.904.396
- Lỗi chênh lệch tỷ giá	351.224.812
2. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.106.075.803
III. Chênh lệch còn lại (I - II)	20.424.303.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. THÔNG TIN LIÊN QUAN HOẠT ĐỘNG BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

Nội dung	Từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/12/2025 VND
I. Nguồn thu từ hoạt động bảo đảm an ninh hàng không	1.907.469.224.242
1. Doanh thu dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không	1.907.469.224.242
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-
- Doanh thu thuần	1.907.469.224.242
II. Các khoản chi cho hoạt động bảo đảm an ninh hàng không	1.655.133.910.922
1. Chi hoạt động	1.592.050.082.592
- Chi phí nhân viên	1.196.037.344.575
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	13.298.027.966
- Chi phí khấu hao tài sản cố định phân bổ	175.625.908.326
- Chi phí sửa chữa tài sản	25.863.647.843
- Chi thuê xe, tài sản (động sản)	22.042.499.620
- Chi đào tạo, huấn luyện	8.270.595.050
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.661.389.136
- Chi trang phục ngành	14.227.639.930
- Chăm sóc sức khỏe người lao động (Bồi dưỡng độc hại và khám sức khỏe)	15.963.246.026
- Hoa hồng, môi giới	21.465.830.687
- Chi phí phúc lợi người lao động	88.694.790.558
- Chi phí bằng tiền khác	6.899.162.875
2. Chi phí thuế TNDN hiện hành	63.083.828.330
III. Lợi nhuận sau thuế (I - II)	252.335.313.320

Theo quy định tại Luật 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 (“Luật 68”) và Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 hướng dẫn Luật 68, Tổng Công ty được trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi với mức không quá 03 tháng lương thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, từ lợi nhuận sau thuế để chi khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và các đối tượng theo quy định pháp luật. Lợi nhuận sau thuế nêu trên chưa bao gồm việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ khoản lợi nhuận sau thuế này phụ thuộc vào quyết định của cấp có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: hoạt động kinh doanh dịch vụ (hàng không và phi hàng không), hoạt động bán hàng và các hoạt động khác.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Tổng Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Tổng Công ty.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Dịch vụ hàng không và phi hàng không VND	Hoạt động bán hàng VND	Tổng cộng toàn Tổng Công ty VND
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	24.843.631.206.174	1.054.018.845.649	25.897.650.051.823
Chi phí bộ phận			
Giá vốn hàng bán	9.807.190.810.437	474.726.604.045	10.281.917.414.482
Chi phí bán hàng	-	402.940.841.218	402.940.841.218
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	15.036.440.395.737	176.351.400.386	15.212.791.796.123

Các khoản doanh thu và chi phí không phân bổ theo bộ phận

Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.327.398.218.530
Doanh thu hoạt động tài chính	975.279.396.734
Chi phí tài chính	457.060.726.846
Thu nhập khác	587.579.205.828
Chi phí khác	12.086.793.964
Lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	430.233.155.970
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.284.566.364.837
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(340.436.244.477)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	12.854.488.264
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.452.353.206.691
Trong đó	
- Lợi nhuận của Tổng Công ty	10.814.923.270.844
- Lợi nhuận từ hoạt động khai thác tài sản KCHTHK	1.385.094.622.527
- Lợi nhuận từ hoạt động bảo đảm ANHK	252.335.313.320
Tài sản không phân bổ theo bộ phận	91.909.790.961.051
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	22.007.296.617.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Dịch vụ hàng không VND	Hoạt động bán hàng VND	Tổng cộng toàn Tổng Công ty VND
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	21.348.270.643.814	1.248.330.298.330	22.596.600.942.144
Chi phí bộ phận			
Giá vốn hàng bán	8.120.111.413.833	603.345.534.010	8.723.456.947.843
Chi phí bán hàng	-	369.492.296.898	369.492.296.898
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.228.159.229.981	275.492.467.422	13.503.651.697.403

Các khoản doanh thu và chi phí không phân bổ theo bộ phận

Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.043.121.604.218
Doanh thu hoạt động tài chính	1.739.173.190.855
Chi phí tài chính	104.681.773.116
Thu nhập khác	45.404.222.845
Chi phí khác	11.975.845.548
Lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	336.332.655.287
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.663.012.289.091
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	125.199.596.535
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	12.980.969.923
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.663.589.687.959
Trong đó	
- Lợi nhuận của Tổng Công ty	10.420.908.235.040
- Lợi nhuận từ hoạt động khai thác tài sản KCHTHK	1.242.681.452.919
Tài sản không phân bổ theo bộ phận	77.281.952.865.563
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	17.241.265.944.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Các khoản cam kết

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm	123.380.749.123	129.578.715.016
Cộng	123.380.749.123	129.578.715.016

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Từ 1 năm trở xuống	27.964.073.538	21.599.090.853
Trên 1 năm đến 5 năm	111.531.966.027	77.760.793.811
Trên 5 năm	568.655.109.655	322.690.360.039
Cộng	708.151.149.220	422.050.244.703

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất tại Văn phòng Tổng Công ty và các Chi nhánh. Đối với Văn phòng Tổng Công ty và các Chi nhánh chưa ký hợp đồng thuê đất chính thức với cơ quan địa phương, giá thuê đất được tính theo thông báo do các Ủy ban Nhân dân tỉnh quy định.

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Giá trị hợp đồng dự án xây dựng cơ bản chủ yếu còn đang thực hiện	85.701.263.431.394	83.915.121.328.243
Cộng	85.701.263.431.394	83.915.121.328.243
<i>Trong đó:</i>		
<i>Giá trị khối lượng hoàn thành</i>	<i>34.858.390.534.539</i>	<i>20.033.406.833.260</i>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Công ty đã công bố thông tin bất thường theo Văn bản số 604/TCTCHKVN-VPTCT ngày 05/3/2026 trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty về việc nhận được thông báo của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an về việc bắt bị can để tạm giam đối với hai thành viên Hội đồng quản trị về hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng và nhận tiền để tạo điều kiện cho nhà thầu trúng thầu.

Ban Điều hành Tổng Công ty đánh giá rằng sự kiện này không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình hoạt động kinh doanh cũng như số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.



Vũ Thị Vân Anh
Người lập biểu



Nguyễn Văn Nhung
Kế toán trưởng



Lê Văn Khiên
Người Đại diện theo pháp luật
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026